

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV21B1** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MD01123** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Kỹ thuật sử dụng bàn phím**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTTV0169	Trương Gia Bảo	21/06/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
2	21BTTV0170	Nguyễn Thị Mỹ Chi	01/11/2006				7	8				8.5		8.2
3	21BTTV0171	Nguyễn Hữu Duy	12/04/2006				8	9				10.0		9.5
4	21BTTV0172	Nguyễn Duy Đạt	22/10/2006				8	9				9.5		9.2
5	21BTTV0173	Nguyễn Vũ Trường Giang	02/02/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
6	21BTTV0174	Nguyễn Dương Chí Hải	29/05/2005				9.5	9.5				10.0		9.8
7	21BTTV0175	Lê Vỹ Hào	03/01/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
8	21BTTV0176	Hà Văn Tuấn Khanh	09/09/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
9	21BTTV0177	Đương Quốc Khánh	22/03/2006				8	9				0.0	0.0	3.5
10	21BTTV0178	Võ Nguyễn Ngọc Linh	23/03/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
11	21BTTV0179	Từ Quang Minh	16/08/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
12	21BTTV0180	Trần Minh Nghĩa	26/07/2001				0	0				0.0	0.0	0.0
13	21BTTV0181	Hồ Ngọc Phát	05/08/2005				0	0				0.0	0.0	0.0
14	21BTTV0182	Lê Thanh Phong	25/10/2005				8	8				9.5		8.9
15	21BTTV0183	Nguyễn Minh Quân	14/12/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
16	21BTTV0184	Triệu Trần Văn Tiến Sỹ	02/04/2006				8	9				9.5		9.2
17	21BTTV0186	Võ Minh Thuận	23/08/2004				9	9				9.5		9.3
18	21BTTV0187	Phạm Hồng Trí Thức	13/06/2005				9	9				9.5		9.3
19	21BTTV0188	Nguyễn Thị Thùy Trang	22/11/2006				8	9				9.5		9.2
20	21BTTV0189	Nguyễn Hoàng Trọng	11/01/2004				9	9				9.5		9.3
21	21BTTV0190	Hồ Ngọc Tường	07/03/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
22	21BTTV0191	Nguyễn Hữu Vinh	30/06/2003				8	9				9.5		9.2
23	21BTTV0192	Lê Thị Như Ý	26/12/2006				0	0				0.0	0.0	0.0
24	21BTTV0581	Mai Minh Duy	18/02/2006				9	9				9.5		9.3
25	21BTTV0584	Nguyễn Văn Hoài	09/02/2006				0	0				0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 24 tháng 7 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Ngô Văn Sang